

Số: 116/2024/DSST

Ngày 01/8/2024

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản*”.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC, TỈNH KIÊN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Phan Thị Nhung**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Ngô Rạng Đông**

Bà **Nguyễn Tường Diễm Linh Giang**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Trần Thị Mỹ Phương**, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc tham gia phiên tòa:* Ông **Nguyễn Văn Tạng** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 315/2024/TLST- DS ngày 14 tháng 5 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2024/QĐXX-DS ngày 10/7/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Triệu P**, sinh năm 1963. (Có mặt)

Bà **Nguyễn Thị Thu C**, sinh năm 1967. (Có mặt)

Cùng địa chỉ: **Tổ I, khu phố H, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.**

*Người đại diện theo uỷ quyền của ông Triệu P và bà Nguyễn Thị Thu C:* Bà **Phan Thị Hồng X**, sinh năm 1997. Địa chỉ liên hệ: **Số B, đường N, khu phố A, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.** (Có mặt)

- *Bị đơn:* Bà **Lâm Thị Q**, sinh năm 1970. (Có mặt)

Địa chỉ: **Khu phố D, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.**

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị **Trần Kim T**, sinh năm 1990. Địa chỉ: **Khu phố D, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.** (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Trước đây giữa vợ chồng ông **Triệu P** và bà **Nguyễn Thị Thu C** và bà **Lâm Thị Q** có quen biết với nhau. Vào năm 2015, do gia đình bà **Q** làm ăn khó khăn nên bà **Q** có nhiều lần vay tiền của vợ chồng ông **P** và bà **C** với tổng số tiền là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng), cụ thể các lần vay như sau:

- Ngày 23/5/2015: bà **Q** vay của ông **P** và bà **C** số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) do bà **Q** qua nhà ông **P** và bà **C** nhận tiền.

- Ngày 12/4/2015: bà **Q** có vay của ông **P** và bà **C** số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) do bà **T** là con của bà **Q** qua nhà ông **P** và bà **C** nhận tiền thay bà **Q**.

- Ngày 14/6/2015: bà **Q** có vay của ông **P** và bà **C** số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) do bà **T** là con của bà **Q** qua nhà ông **P** và bà **C** nhận tiền thay bà **Q**.

Khoản tiền này ông **P** và bà **C** cho bà **Q** vay không thỏa thuận lãi suất và không ghi rõ thời hạn trả lại tiền. Tuy nhiên, cả hai bên cùng thỏa thuận miệng là đến khi nào ông **P**, bà **C** cần lấy lại tiền thì báo trước cho bà **Q** 30 ngày để bà **Q** sắp xếp, gom tiền thanh toán cho ông **P** và bà **C**.

Đến ngày 01/01/2022, do cần tiền làm ăn nên ông **P** và bà **C** đã liên hệ yêu cầu bà **Q** trả lại ông **P** và bà **C** số tiền trên trong thời hạn 02 tháng kể từ khi thông báo. Tuy nhiên, đến hết thời hạn, phía bà **Q** vẫn không thanh toán, không liên lạc với ông **P** và bà **C** để xin gia hạn hay thỏa thuận cách thức trả tiền. Từ đó đến nay, ông **P** và bà **C** vẫn nhiều lần yêu cầu bà **Q** trả tiền vay cho ông **P** và bà **C** nhưng bà **Q** vẫn cố tình trốn tránh, chưa thanh toán cho vợ chồng ông **P** và bà **C** bất cứ khoản tiền nào.

Do đó, ông **P** và bà **C** đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà **Lâm Thị Q** trả lại cho vợ chồng ông **Triệu P** và bà **Nguyễn Thị Thu C** tổng số tiền đã vay là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) và tiền lãi phát sinh tính từ ngày thông báo 01/3/2022 đến khi giải quyết xong vụ việc, tiền lãi tạm tính đến ngày 03/4/2024 là  $500.000.000 \text{ đồng} \times 25 \text{ tháng} \times 10\%/12 \text{ tháng} = 105.000.000 \text{ đồng}$  (Một trăm lẻ năm triệu đồng). Tổng cộng là 605.000.000 đồng (Sáu trăm lẻ năm triệu đồng).

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông **Triệu P** và bà **Nguyễn Thị Thu C** thống nhất rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với bà **Lâm Thị Q**, cụ thể: Rút lại yêu cầu bà **Q** trả số tiền gốc 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), chỉ yêu cầu bà **Q** trả

số tiền gốc còn nợ là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) và xin rút lại yêu cầu tính tiền lãi đối với số tiền vay.

***Bị đơn bà Lâm Thị Q trình bày:***

Giữa bà và Nguyễn Thị Thu C có mối quan hệ bà con cô cậu ruột, bà là con của người vai cậu thứ 2, còn mẹ của bà Thu C là con của người cô thứ 3 trong gia đình, nên giữa bà và bà Thu C có mối quan hệ thân quen. Còn ông Triệu P là chồng bà Thu C, vai em rể của bà.

Vào khoảng năm 2015 bà có vay tiền của ông Triệu P và bà Nguyễn Thị Thu C nhiều lần, mục đích là để bà trị bệnh cho con rể và đóng tiền thuế đất. Tổng cộng số tiền vay vào năm 2015 khoảng 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng), Trần Thị T1 là con gái ruột của bà đi nhận thay bà mỗi lần 50 triệu đồng, nhận 02 lần được 100.000.000 đồng, còn bà nhận trực tiếp 200 triệu đồng và 05 chỉ vàng 24k (vàng bao nhiêu/chỉ thì không nhớ), quy ra tổng cộng khoản tiền bà vay của ông P, bà C là 350.000.000 đồng. Việc vay mượn tiền hai bên không thỏa thuận lãi suất và thời gian trả tiền nhưng có thỏa thuận miệng là khi nào bà bán được đất có tiền sẽ trả lại cho bà C, chứ hai bên không thỏa thuận là trả trong bao lâu. Đến năm 2019 thì bà và bà C ngồi tính toán và cùng chốt lại số nợ vừa bao gồm tiền gốc 350.000.000 đồng và tiền bà cho thêm bà C nên tổng số tiền bà còn nợ bà C là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng).

Đối với toàn bộ số tiền bà vay của bà C và ông P là do một mình bà đứng ra vay và nợ vợ chồng ông P, bà C, nên đây là nợ riêng của một mình bà, không liên quan đến chồng và các con của bà. Bà đồng ý một mình trả số nợ vay cho ông P và bà C.

Nay tại phiên tòa, nguyên đơn ông P và bà C xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bà trả số tiền gốc 100.000.000 đồng và yêu cầu tính tiền lãi của việc vay tiền, chỉ yêu cầu bà trả lại số tiền còn nợ 400.000.000 đồng thì bà thống nhất và bà đồng ý trả cho ông P, bà C số tiền còn nợ là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng).

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Trần Kim T trình bày:***

Chị là con gái út của bà Lâm Thị Q, tên thường gọi của chị là N, chị đang sống chung nhà với mẹ chị tại tổ A, khu phố D, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Chị không biết rõ sự việc mẹ chị là bà Lâm Thị Q vay tiền của bà C và ông P cụ thể như thế nào, tuy nhiên vào năm 2015 mẹ chị có nhờ chị đi nhận tiền vay

của bà **C** với tổng số tiền 100 triệu đồng (nhận làm 02 lần, mỗi lần là 50 triệu đồng tiền mặt), sau đó có vài lần nhờ chị đi trả tiền mặt cho bà **C**, mỗi lần trả số tiền mặt là 10 triệu đồng nhưng không nhớ rõ thời gian cụ thể, chỉ nhớ trong khoảng năm 2019.

Sự việc mẹ chị vay mượn tiền của bà **C**, ông **P** không liên quan đến cha chị và các anh chị em trong gia đình chị, không liên quan đến chị, bản thân chị chỉ nhận tiền thay và trả tiền thay cho mẹ chị do mẹ chị không biết chạy xe.

Nay chị thống nhất theo ý kiến và trình bày của mẹ chị tại phiên tòa về việc đồng ý trả cho ông **P**, bà **C** số tiền còn nợ 400.000.000 đồng. Chị không có ý kiến gì khác.

**Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của **T2**, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về những người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn và bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều đã chấp hành quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Tại phiên tòa, nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với việc yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc 100.000.000 đồng và rút lại yêu cầu tính tiền lãi của tổng số tiền vay, chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng). Xét thấy, việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Triệu P** và bà **Nguyễn Thị Thu C** là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật nên cần chấp nhận. Tại phiên tòa, bị đơn bà **Lâm Thị Q** thừa nhận còn nợ nguyên đơn ông **P**, bà **C** tổng số tiền vay là 400.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền này cho nguyên đơn. Do đó, cần buộc bị đơn bà **Lâm Thị Q** có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn ông **Triệu P**, bà **Nguyễn Thị Thu C** số tiền còn nợ là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) là phù hợp với Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết của tòa án: Bị đơn là bà **Lâm Thị Q** có nơi cư trú

tại địa bàn thành phố P, tỉnh Kiên Giang. Vì vậy, căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Triệu P và bà Nguyễn Thị Thu C về việc yêu cầu bị đơn bà Lâm Thị Q phải trả cho ông P, bà C số tiền vay gốc 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) và yêu cầu tính tiền lãi đối với số tiền vay, nên quan hệ pháp luật được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn ông Triệu P, bà Nguyễn Thị Thu C và bị đơn bà Lâm Thị Q đều thống nhất xác định vào năm 2015 bà Q có vay tiền của ông P, bà C nhiều lần, hai bên không thỏa thuận thời hạn vay và lãi suất. Tuy nhiên về số tiền vay gốc thì hai bên đều khai không thống nhất, theo nguyên đơn thì ông P, bà C có cho bà Q vay tổng cộng số tiền gốc là 500.000.000 đồng, còn bà Q chỉ thừa nhận có vay tổng cộng số tiền gốc là 350.000.000 đồng.

Tuy nhiên, bà Q trình bày là đến năm 2019 thì giữa bà và bà C đã cùng thống nhất chốt lại số tiền nợ vừa bao gồm tiền nợ gốc 350.000.000 đồng và tiền bà Q cho thêm bà C nên tổng số tiền bà Q còn nợ bà C là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng).

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông P và bà C xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể xin rút lại yêu cầu bà Q trả số tiền gốc 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), chỉ yêu cầu bà Q trả cho vợ chồng ông P, bà C số tiền gốc còn nợ là 400 triệu đồng (Bốn trăm triệu đồng) và xin rút lại toàn bộ yêu cầu tính tiền lãi của số tiền vay.

Bà Q đồng ý với việc nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện như trên, bà thừa nhận bà còn nợ tiền vay của ông P và bà C số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) và đồng ý trả cho ông P và bà C số tiền còn nợ là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng).

Xét thấy, việc nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định pháp luật, do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) và yêu cầu tính tiền lãi của số tiền vay.

Do tại phiên tòa các đương sự đã thống nhất được với nhau về số tiền bà Q còn nợ vợ chồng ông P và bà C là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) từ việc vay tài sản và bà Q đồng ý trả cho vợ chồng ông P, bà C số tiền vay 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng). Do đó, căn cứ vào Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông P và bà C, buộc bị đơn bà Q phải trả cho nguyên đơn ông P và bà C số tiền còn nợ từ việc vay tài sản là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng).

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên nguyên đơn không phải nộp án. Bị đơn phải chịu án án phí có giá ngạch đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được tòa án chấp nhận trên số tiền 400.000.000 đồng, án phí được tính là:  $400.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 20.000.000 \text{ đồng}$  (Hai mươi triệu đồng).

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 6, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

#### **Tuyên xử:**

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Triệu P và bà Nguyễn Thị Thu C về việc yêu cầu bị đơn bà Lâm Thị Q trả số tiền vay gốc 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) và yêu cầu tính tiền lãi của tổng số tiền vay.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Triệu P, bà Nguyễn Thị Thu C về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn bà Lâm Thị Q.

Buộc bị đơn bà Lâm Thị Q phải có nghĩa vụ trả lại nguyên đơn ông Triệu P và bà Nguyễn Thị Thu C số tiền vay là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí sơ thẩm:

- Hoàn trả lại nguyên đơn ông **Triệu P** và bà **Nguyễn Thị Thu C** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.100.000 đồng (*Mười bốn triệu một trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0000113, ngày 23/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn bà **Lâm Thị Q** phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. Phú Quốc;
- CC. THADS TP. Phú Quốc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Thị Nhung**